Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Ia Grai
Email: ubndiagrai@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 26.09.2018 09:41:29 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** Số: 1685 /QĐ-UBND	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Ia Grai, ngày 25 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ia Dêr đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 18/2010/TT-BXD ngày 15/4/2010 của Bộ Xây dựng quy định việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong hoạt động xây dựng

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về Ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt.

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành theo quyết định số 08/2008/QĐ-BXD ngày 3/4/2008 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật ban hành theo thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

Căn cứ Tiêu chuẩn việt nam TCVN 4454 : 2012 Quy hoạch xây dựng nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế.

Căn cứ Tiêu chuẩn quy hoạch nông thôn ban hành kèm theo thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai về việc Phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Ia Dêr, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) xã Ia Dêr, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 06 tháng 06 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai về việc Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ia Dêr đến năm 2030;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã Ia Dêr tại 51/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2018 và đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ia Dêr đến năm 2030, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Ia Dêr đến năm 2030.

Địa điểm: Xã Ia Dêr, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

2. Phạm vi, thời hạn lập quy hoạch:

- Phạm vi: Gồm toàn bộ diện tích theo địa giới hành chính xã Ia Dêr với diện tích 6.169,35 ha.

- Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2030.

3. Mục tiêu:

Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã nhằm mục đích tiếp tục cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với định hướng phát triển chung của xã Ia Dêr, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai trong việc quản lý nhà nước về xây dựng, định hướng phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã theo từng giai đoạn cụ thể.

Xây dựng phát triển không gian trên địa bàn xã Ia Dêr phù hợp với đặc điểm, tập quán sinh hoạt, sản xuất của dân cư trong vùng nhằm đảm bảo và đáp ứng đạt được các tiêu chí về nông thôn mới.

Hình thành thiết chế trong việc xây dựng phát triển xã trên cơ sở có sự tham gia của người dân để đảm bảo tính khả thi, tính bền vững trong xây dựng phát triển xã.

Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quản lý đất đai và đầu tư xây dựng, phát triển vùng sản xuất theo quy hoạch trên địa bàn xã.

Cụ thể quy hoạch điều chỉnh cần phải đạt:

Phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hoá nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp -TTCN, phát triển dịch vụ.... Nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị; đảm bảo tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với biến đổi khí hậu, đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

Định hướng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước,....); xây dựng, cải tạo công trình; định hướng phát triển khu vực sản xuất tập trung.

Quy hoạch, phát triển hệ thống thôn làng, chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.

Giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá địa phương và bảo vệ môi trường.

4. Các chỉ tiêu phát triển:

a) Quy mô dân số:

Dân số hiện trạng năm 2018 là 10.606 người và 2.476 hộ.

Dân số dự kiến đến năm 2030 là 12.143 người với 2.698 hộ.

Dân số dự kiến tăng 1.537 người và tăng 222 hộ.

b) Quy mô đất đai:

Tổng diện tích đất trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch (toàn bộ địa giới hành chính của xã Ia Dêr) 6.169,35 ha.

Bảng tổng hợp cơ cấu quy hoạch sử dụng đất xã Ia Sao đến năm 2030

Stt	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng năm 2018		Định hướngđến năm 2023		Định hướngđến năm 2030		
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+) giảm (-)
1	**Đất nông nghiệp**	**5.613,04**	**90,98%**	**5.270,02**	**85,42%**	**5.132,18**	**83,19%**	-137,84
1.1	Đất trồng lúa	544,02	8,82%	544,02	8,82%	544,02	8,82%	0,00
1.2	Đất trồng trọt khác	5.013,63	81,27%	4.670,61	75,71%	4.532,77	73,47%	-137,84
1.3	Đất rừng sản xuất	55,39	0,90%	55,39	0,90%	55,39	0,90%	0,00
2	**Đất xây dựng**	**490,72**	**7,95%**	**833,74**	**13,51%**	**971,58**	**15,75%**	**+137,84**
2.1	Đất ở	153,89	2,49%	226,23	3,67%	308,91	5,01%	+82,68
2.2	Đất công cộng	7,55	0,12%	15,40	0,25%	17,55	0,28%	+2,15
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	53,92	0,87%	175,18	2,84%	175,18	2,84%	
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,48	0,024%	2,48	0,040%	2,48	0,040%	
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,00		50,6195	0,67%	50,6195	0,67%	
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	38,29	0,62%	38,29	0,62%	38,29	0,62%	
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	54,34	0,88%	82,10	1,33%	104,22	1,69%	+22,12
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	168,64	2,73%	235,67	3,82%	264,71	4,29%	+29,04
2.8.1	*Đất giao thông*	*155,54*		*213,22*		*236,19*		*+22,97*
2.8.2	*Đất xử lý chất thải rắn*			*2,5*		*2,5*		
2.8.3	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*	*13,10*		*20,45*		*26,52*		*+6,07*
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,00	0,00%	4,63	0,08%	6,48	0,11%	+1,85
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	12,61	0,20%	12,61	0,20%	12,61	0,20%	
3	**Đất khác**	**65,59**	**1,06%**	**65,59**	**1,06%**	**65,59**	**1,06%**	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	41,95	0,68%	41,95	0,68%	41,95	0,68%	

3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	23.64	0.38%	23.64	0.38%	23.64	0.38%
	Tổng cộng	**6.169,35**	**100%**	**6.169,35**	**100%**	**6.169,35**	**100%**

5. Định hướng phát triển không gian:

a. Định hướng tổ chức không gian khu dân cư nông thôn:

Bố trí không gian khu trung tâm thôn làng bao gồm các công trình:

+ Khu nhà ở dân cư bao gồm các công trình: Nhà chính và nhà phụ, các công trình phụ, lối đi, sân vườn, đất vườn, ao liền kề.

+ Nhà văn hóa, sân thể thao.

+ Nhà trẻ.

+ Trường mẫu giáo.

+ Trường tiểu học (điểm trường, cụm trường)

Đường giao thông nội thôn, làng và hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (điện, cấp nước, thoát nước, bãi chôn lấp rác thải...)

Quy hoạch khu dân cư nông thôn phải gắn liền với việc tổ chức các công trình hạ tầng xã hội như trường học, nhà văn hóa, sân thể thao... nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của người dân và tổ chức hiệu quả các công trình hạ tầng xã hội.

Bố cục các hạng mục trong công trình khuôn viên ở phải thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất của hộ gia đình và đảm bảo vệ sinh môi trường. Căn cứ vào phong tục tập quán để chọn giải pháp, bố trí khu ở cho phù hợp vừa đảm bảo tính khoa học mà không làm mai một đi giá trị văn hóa tinh thần mang đậm đà bản sắc của từng vùng. Việc tổ chức không gian khiến trúc nhà ở phải phù hợp với tập quán văn hóa - xã hội, truyền thống của từng dân tộc, địa phương.

Những điểm dân cư gần đường giao thông cần khuyến khích các hình thức xây nhà dạng biệt thự nhà vườn, hạn chế các hình thức xây nhà ống kiến trúc lạc hậu. Khi xây dựng cần đảm bảo khoảng lùi quy định so với mốc lộ giới và chỉ giới xây dựng của con đường. Khuyến khích các hình thức xây nhà theo mẫu chung quy định cho vùng, khu vực đó.

Tổ chức không gian trong khu dân cư phải đảm bảo hài hòa, cân đối giữa khu ở, khu sản xuất và sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu dân cư đảm bảo môi trường khu vực xanh - sạch - đẹp.

Lô đất trong khu ở phải đảm bảo thông thoáng hài hòa về không gian, kiến trúc cảnh quan, khuyến khích các hộ trong khu dân cư nông thôn trong khuôn viên ở cần gắn với mô hình sản xuất của từng gia đình.

Khoảng cách từ khu ở tới các khu chăn nuôi, sản xuất phải đảm bảo khoảng cách quy định và phải có cây xanh ngăn cách, nếu nhà ở gắn liền với khu sản xuất, chăn nuôi thì hạn chế ở khu dân cư, chỉ để các hình thức nhà ở gắn với các ngành nghề ít gây ô nhiễm môi trường khu dân cư. y qua xã, ngoài ra phân bố tập trung ở hồ làng Dút, hồ Đức Tân, hồ làng Yang.

Nhà ở hộ gia đình phải đảm bảo tiêu chuẩn đạt trên 14m^2/người, niên hạn sử dụng trên 20 năm. Có đủ các phòng chức năng và các công trình: nhà vệ sinh, bếp... theo chuẩn của Bộ Xây dựng.

Từng hộ gia đình hoặc một nhóm hộ gia đình có thể bố trí xây bể tự hoại hoặc bán tự hoại chung hoặc riêng, đảm bảo vệ sinh môi trường, tránh các hình thức xả trực tiếp chất thải ra môi trường làm ô nhiễm môi trường sống.

Chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khuôn viên lô đất của hộ gia đình trong khu dân cư cần phải đặt cách xa nhà ở và cách đường đi chung ít nhất 5m, cuối hướng gió phải có hố lớn chứa phân, rác, thoát nước thải, bảo đảm vệ sinh môi trường. Rác và nước thải phải được thu gom và xử lý trước khi thải ra khuôn viên ở của hộ gia đình (khuyến cáo đối với các hội gia đình chăn nuôi với quy mô tập trung nên xây hầm Biogas để đảm bảo vệ sinh, tránh gây ô nhiễm môi trường, đồng thời có nguồn nhiên liệu hỗ trợ gia đình.)

Bố trí các điểm dân cư nông thôn mới tại những địa điểm ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt nhất, tránh hướng gió trực tiếp. Bố cục các hạng mục công trình trong khuôn viên ở phải thuận lợi.

Đảm bảo khoảng cách tới các khu chăn nuôi, sản xuất kinh doanh...phải đảm bảo >200m, có dải cây xanh ngăn cách.

Bố trí các khu dân cư theo tính chất và chức năng sản xuất, xa nguồn gây ô nhiễm, thuận tiện giao thông và tiết kiệm sản xuất.

Mật độ xây dựng không quá 30%.

Tầng cao tối đa: Không quá 3 tầng, khuyến khích xây dựng theo thiết kế mẫu, tạo khuôn viên đẹp, thân thiện với khu dân cư nông thôn, giữ gìn được bản sắc văn hóa của từng dân tộc.

Cải tạo không gian liên quan đến các công trình công cộng và dọc theo các trục đường giao thông;

Hạn chế phát triển các điểm dân cư bám dọc hai bên đường, ưu tiên mở rộng khu dân cư hiện có.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn, tăng cường trồng cây xanh dọc các tuyến đường tạo cảnh quan khu vực nông thôn xanh - sạch - đẹp.

b. Định hướng phát triển khu trung tâm xã:

- Tổng diện tích khu trung tâm xã: 24,4 ha.

- Phân khu chức năng khu trung tâm xã:

+ Khu trụ sở làm việc đảng ủy, HĐND, UBND xã.

+ Kho thu mua nông sản doanh nghiệp tư nhân Liên Hợp.

+ Bến xe

+ Chợ trung tâm.

+ Bưu điện.

+ Trường trung học cơ sở.

+ Nhà trẻ mẫu giáo.

+ Trường tiểu học Lý Tự Trọng.

+ Nhà rông văn hóa.

+ Sân thể dục thể thao.

+ Đài tưởng niệm + Hoa viên cây xanh.

+ Trạm y tế.

+ Đất dân cư.

+ Đường giao thông nội bộ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (điện, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng...).

- Phân bố quỹ đất xây dựng theo bảng cân đối sau:

Stt	Tên loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	**Đất công trình công cộng**	**0.68**	**2,70**
1	*Uỷ ban nhân dân xã Ia Dêr*	*0.68*	
II	**Đất dịch vụ thương mại**	**1.6**	**6,56**
2	*Kho thu mua nông sản doanh nghiệp tư nhân Liên Hợp*	*0.77*	
3	*Đất bến xe*	*0.25*	
4	*Chợ trung tâm*	*0.55*	
5	*Bưu điện*	*0.03*	
III	**Đất công trình giáo dục**	**2.24**	**9,34**
6	*Trường Trung học cơ sở*	*1.02*	
7	*Nhà trẻ mẫu giáo*	*0.61*	
8	*Trường tiểu học Lý Tự Trọng*	*0.65*	
IV	**Đất công trình văn hóa**	**2.1**	**8,61**
9	*Nhà rông văn hóa*	*0.6*	
10	*Sân thể dục thể thao*	*1.03*	
11	*Đài tưởng niệm, hoa viên cây xanh*	*0.47*	
V	**Đất y tế**	**0.25**	**1,02**
VI	**Đất dân cư**	**6.93**	**28,4**
VII	**Đất dự phòng**	**2.55**	**10,4**
VIII	**Đất giao thông**	**8.3**	**34,0**
Tổng cộng		**24.4 ha**	**100%**

Đến năm 2020 dự kiến sẽ phát triển khu trung tâm xã với các khu chức năng sau:

+ Khu trụ sở UBND-HĐND xã

Mật độ xây dựng dưới 40% để tạo độ thông thoáng và hài hòa với cảnh quan khuôn viên UBND xã.

Độ cao xây dựng dưới 3 tầng

+ Nhà văn hóa và sân thể thao trung tâm xã

Được xây dựng trong khu quy hoạch, được thiết kế để phục vụ đảm bảo nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân trong xã, xây dựng theo chuẩn của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch.

+ Chợ trung tâm xã được bố trí cách xa khu trung tâm hành chính của xã, đảm bảo không gây ồn ào ảnh hưởng đến hoạt động của khối hành chính.

+ Đất công trình giáo dục

Được bố trí tập trung tại khu đất đối diện với khu công viên văn hóa, khu hành chính của xã.

+ Khu đất ở dân cư:

Được chia thành nhiều lô, các lô đất bố trí bám dọc các tuyến đường, đảm bảo hệ thống cơ sở hạ tầng đầy đủ, thuận tiện cho người dân trong sinh hoạt.

Nhà ở được thiết kế theo kiểu nhà - vườn, kết hợp với cây xanh tạo cảnh quan vừa hiện đại vừa thân thiện và mang đậm bản sắc văn hóa.

c. Định hướng tổ chức không gian xã:

* Trường học:

- Nhà trẻ, mẫu giáo:

Đối với các thôn làng đã có điểm trường nhà trẻ, mẫu giáo đề nghị giữ nguyên, hàng năm có giải pháp duy tu bảo dưỡng những hạng mục đã xuống cấp, hư hỏng.

Giai đoạn 2018-2025: Bố trí mỗi thôn, làng 1 điểm nhà trẻ, mẫu giáo phục vụ nhu cầu của người dân.

- Trường tiểu học:

Giai đoạn 2018-2020: Quy hoạch xây dựng các điểm trường tiểu học phục vụ nhu cầu của học sinh tại xã.

Các điểm trường còn lại duy trì, tính toán hàng năm bổ sung kinh phí duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đã xuống cấp, đồng thời tùy theo nhu cầu có thể bố trí xây dựng thêm lớp học trong khuôn viên đất tại các điểm trường hiện có.

Bố trí học sinh tại các thôn làng có cự ly gần nhau học chung một điểm trường.

* Nhà rông văn hóa, sân thể thao:

Trong giai đoạn và đến năm 2030:

Bố trí đất xây dựng nhà rông văn hóa xã với diện tích 0,6 ha và sân thể dục thể thao với diện tích 1,03 ha.

Đối với các khu nhà văn hóa, khu thể thao các thôn, làng giữ nguyên hiện trạng đất, tuy nhiên cần đầu tư xây dựng mới các nhà văn hóa đối với các thôn, làng chưa có, khu sinh hoạt chung của nhân dân thôn, đồng thời tu sửa, bảo dưỡng các công trình nhà văn hóa thôn, làng đã có và đang xuống cấp.

* Quy hoạch phân vùng sản xuất nông nghiệp:

Đối với các vùng đất đỏ bazan, tầng đất dày, giàu dinh dưỡng, tập quán canh tác của người dân nơi đây là cây cà phê và một số cây trồng khác như cao su, tiêu, hoa màu...nay cần cải tạo diện tích cây trồng hiệu quả kinh tế thấp, cho chuyển đổi sang trồng cây cà phê đối với khu vực đảm bảo nguồn nước tưới.

Xác định cây Cà phê là cây trồng chủ lực trên địa bàn xã, giống cây này mang lại hiệu quả kinh tế cao, cần xây dựng tạo thành cánh đồng lớn gắn với sự phát triển của các Hợp tác xã trên địa bàn và các doanh nghiệp tham gia liên kết cung cấp vật tư đầu vào, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển sản xuất phù hợp với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó tập trung chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất, bảo vệ, khai thác tốt nguồn nước, sử dụng các biện pháp công nghệ tiến tiến phù hợp theo hướng tiết kiệm nước.

Đối với diện tích đất trồng cây ngắn ngày nên chuyển một phần diện tích thuộc các khu quy hoạch sản xuất cây công nghiệp lâu năm chủ lực của xã.

* Công nghiệp, TTCN, Dịch vụ, thương mại:

Xây dựng chợ trung tâm xã đảm bảo giao thương mua bán tập trung tại khu trung tâm xã để người dân trên địa bàn xã tập trung mua bán thúc đẩy trao đổi hàng hóa trong nhân dân, thu hút các thương lái từ các xã khác đến đầu tư buôn bán kinh doanh.

Thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thu mua, chế biến các mặt hàng nông sản đầu tư xây dựng cơ sở trên địa bàn xã, định hướng trong giai đoạn quy hoạch sẽ thu hút được khoảng 5-7 doanh nghiệp đầu tư xây dựng trụ sở và hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp và thu hút, giải quyết một số lượng nhất định lao động tại chỗ cho xã, đồng thời thúc đẩy giao lưu buôn bán trong xã với các vùng lân cận.

6. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông:

Theo quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

- Đường liên xã: Là đường có cấp kỹ thuật phù hợp với cấp A hoặc cấp B; mặt đường bê tông nhựa, cầu cống vĩnh cửu. Bề rộng chỉ giới 30 m, chiều dài 13,1 km.

- Đường liên thôn: Hiện nay, các tuyến đường liên thôn của xã đang được nhựa hóa hoặc bê tông. Đường liên thôn được xây dựng mở mới, nâng cấp, cải tạo đạt tiêu chuẩn cấp B hoặc C. Mặt đường Bmặt = 7,5m hai bên; nền đường Bnền = 6,0m hai bên. Bề rộng chỉ giới 13,5 m, chiều dài 12,07 km.

- Đường thôn, ngõ xóm: Quy hoạch đường thôn, ngõ xóm đạt đường giao thông nông thôn loại D. Mặt đường Bmặt = 6,0m hai bên; nền đường Bnền = 5,5m hai bên. Bề rộng chỉ giới 11,5 m, chiều dài 106 km.

- Đường sản xuất: Là đường có cấp kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cấp IV, V, VI. Để giúp người dân thuận tiện trong sản xuất cần đầu tư, mở rộng xây dựng các tuyến đường sản xuất chính với mặt đường Bmặt = 2.0 - 3,5m mặt đường được lu lèn với đất sỏi đồi (vật liệu sẵn có tại địa phương). Chiều dài 45 km.

b. San nền:

- Các công trình dự kiến xây mới: Cốt san nền sau khi hoàn thiện có chiều cao trung bình tương đương với chiều cao của các tuyến đường khu vực.
- Khu vực thấp trũng cần tôn nền với chiều cao đắp nền h=0,3-1,5m.
- Đối với các công trình công cộng, công trình văn hoá và trường học khi có điều kiện cải tạo, phục hồi cần chú ý đến nền chung khu vực và khả năng tiêu thoát nước mặt.
- Đối với đường giao thông các tuyến hiện có không nâng, hạ cốt. Khi xây dựng tuyến mới cần phải tôn trọng địa hình, đầm nén chặt và chú ý đến các công trình ngầm trên tuyến. Các chỉ tiêu kỹ thuật phải đảm bảo đúng quy trình, quy phạm.

c. Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước mưa được bố trí dọc theo các đường giao thông chính.
- Chế độ thoát tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên.
- Chọn loại cống hộp trong các khu dân cư, ngoài khu dân cư sử dụng rãnh hình thang.
- Các cống qua đường sử dụng cống tròn hoặc cống bản (BTCT).
- Trong các khu dân cư chọn loại rãnh thoát nước dạng hở xây dựng ven các trục đường giao thông, thiết diện hình thang 400x600, kết cấu xây đá hoặc bê tông.
- Trục tiêu chính trong các lưu vực là các khe, suối lớn.
- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ bao gồm: tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra, hố ga và cửa xả.

d.Cấp nước:

- Đối với các điểm dân cư hiện có: Tận dụng hệ thống cấp nước sẵn có tại khu vực, mở rộng thêm mạng lưới cấp nước đến các hộ dân cư mới.
- Đối với điểm dân cư quy hoạch mới: Xây dựng hệ thống cấp nước cục bộ riêng cho mỗi khu dân cư. Quy mô công suất phù hợp với thiết kế quy hoạch, có khả năng nâng công suất đến năm 2030.

+ Xây dựng giếng khoan, đài nước, đường ống dẫn nước đến các hộ dân phục vụ nhu cầu sinh hoạt.

+ Xây dựng hệ thống cấp nước tự chảy từ nhánh suối gần khu vực phục vụ trồng trọt cho các hộ gia đình.

Bảng biểu tính toán nhu cầu sử dụng nước

Stt	Thành phần dùng nước	Dân số (người)	Tiêu chuẩn (lít/người.ngđ)	Lưu lượng (m^3/ng.đ)
1	Nước sinh hoạt (Q_{SH})	12.143x100%	100	1.214
2	Nước công trình cơ quan công cộng		10% (Q_{SH})	121,4
3	Nước cơ sở sản xuất nhỏ		8% (Q_{SH})	97,12
4	Nước trồng trọt (gia đình)		30% (Q_{SH})	364,2
5	**Tổng (1+2+3+4)**			**1.796**
6	Nước dự phòng rò rỉ		15% (5)	269,4
7	**Tổng (5+6)**			**2.065,4**
8	Nước bản thân trạm xử lý		5% (7)	103,27
9	**Tổng cộng (7+8)**			**2.168,67**
Làm tròn				**2.168**

e. Cấp điện:

- Lưới trung áp:

+ Cải tạo tuyến 35 kV hiện có.

+ Cột điện thấp, không đảm bảo cấp điện khi phụ tải tăng. Khi cải tạo tuyến 35kV và tuyến hạ áp 0,4kV , chỉ dùng cột điện và dây dẫn thiết kế theo cấp điện áp 35kV và 0,4kV.

- Lưới hạ áp 0,4kV xây dựng mới toàn bộ đến tận các hộ dân. Lưới 0,4kV đi nổi, tổ chức mạng hình tia, dùng cáp có bọc cách điện (ABC) tiết diện 120-50mm2, bắt nổi trên cột điện bê tông ly tâm.

+ Đường trục: Xây dựng mới và cải tạo đường dây 0,4kV. Sử dụng cột BTLT 8,5m, và 10m, dây dẫn dùng dây ABC (4x70) đến dây ABC (4x120). Các tuyến đường dây 0,4KV trục chính không dài quá 500m .

+ Đường nhánh: dùng dây ABC (4x35) đến dây ABC (4x70). Sử dụng cột H-8,5 và cột cũ tận dụng từ đường trục 0,4 kV hiện có.

+ Lưới chiếu sáng Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính tại một bên đường và hai bên, hệ thống điện chiếu sáng đi ngầm . Tại các khu vực ngõ thôn (làng) dân cư ở tập trung lưới chiếu sáng đi kết hợp chung cột với lưới 0,4kV. Dùng đèn Natri cao áp 250W-125W/220V. Thiết bị chiếu sáng dùng loại đèn hiện đại tiết kiệm điện năng .

+ Trạm biếp áp lưới: Với công suất yêu cầu 1.675 KVA cần nâng cấp và xây mới các trạm biến áp. Định hướng đến năm 2030 toàn xã Ia Sao có 13 trạm biến áp trong đó có 7 trạm cần nâng cấp với công suất mỗi trạm 400KVA. Xây dựng mới 4,65 km đường dây trung thế và hạ thế.

Bảng biểu tính toán nhu cầu sử dụng điện

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2030	
			Quy mô	Phụ tải
1	Chỉ tiêu phụ tải	W/người.ng.đ	12.143	150
2	Số giờ dùng điện trong năm	Giờ	2.000	
3	Điện năng tiêu thụ	Kwh/người/năm	300	
4	Phụ tải điện sinh hoạt (Qsh)	KW		1.821
5	Công trình công cộng	KW	15%Qsh	273,15
6	Phụ tải cần thiết (Ptt max)	KW		2.094,15
7	Hệ số công suất (Cos^{φ})			0,85
8	Hệ số đồng thời (k)			0,8
9	Tổng công suất yêu cầu	KVA		1.675

f. Thủy lợi:

- Cải tạo, nâng cấp, nạo vét tuyến kênh do xã quản lý, với tổng chiều dài 1.82 km, ngang 3m, sâu 0,3m, phục vụ nhu cầu tưới tiêu cho diện tích lúa và cà phê của các thôn, làng của xã.

- Lắp đặt hệ thống cống tròn trên các tuyến đường nội đồng, khu vực giao cắt với các tuyến mương nhánh, đảm bảo nhu cầu đi lại sản xuất của nhân dân.

g. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

* Thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống cống, mương có tấm đan hoặc mương hở để thoát nước chung.

- Nước bẩn từ các hộ dân, các công trình công cộng phải được xử lý bằng bể tự hoại hoặc hố xí hai ngăn hợp vệ sinh và qua giếng thấm trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc tập trung sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas.

* Chất thải rắn:

- Chất thải sau khi được phân loại sẽ được thu gom tập trung tại các điểm ở mỗi thôn, làng; sau đó rác thải sẽ được tập kết đến bãi rác tập trung của xã. Bố trí quy hoạch bãi rác tập trung của xã với diện tích 2,5 ha.

Bảng biểu tính toán khối lượng rác thải cần thu gom

Stt	Các đối tượng thải CTR	Tiêu chuẩn (kg/ng.đ)	Giai đoạn 2030	
			Dân số (người)	Khối lượng (kg/ng.đ)
1	CTR sinh hoạt	0.8	12.143	9.714
2	CTR SX và DV (3 - 5% CTR - SH)	3% (CTR sinh hoạt)		291
3	CTR CTCC (5-10% CTR - SH)	5% (CTR sinh hoạt)		485
Tổng cộng				**10.490**

* Nghĩa trang

- Bố trí, nâng cấp nghĩa trang tập trung cho xã Ia Dêr với diện tích 3ha. Nghĩa trang mới được quy hoạch rõ ràng, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật; tạo sự ngăn cách đối với đất nông nghiệp; có trồng cây xanh cách ly; có điểm thu gom và xử lý chất thải rắn.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Ia Dêr có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng của xã Ia Dêr cho tổ chức, cá nhân, người dân trên địa bàn xã biết để thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt; xác định và cắm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa để các tổ chức, cá nhân, người dân trong khu vực quy hoạch biết, quản lý, bảo vệ mốc giới và giám sát việc xây dựng các công trình theo quy hoạch.

- Thực hiện công tác quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ia Dêr chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận :
- Như điều 3;
- UBND tỉnh (*B/cáo*);
- Sở Xây dựng;
- TTr. Huyện Uỷ (*B/cáo*);
- TTr. HĐND huyện (*B/cáo*);
- Lưu: VT, trang QLVBĐH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Dương Mah Tiệp